

Số: 130/2005/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2005

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước có tài khoản và con dấu riêng (sau đây gọi tắt là cơ quan thực hiện chế độ tự chủ), bao gồm:

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

b) Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước;

c) Tòa án nhân dân các cấp; Viện Kiểm sát nhân dân các cấp;

d) Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

đ) Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Việc thực hiện chế độ tự chủ đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, phường do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào các quy định tại Nghị định này, hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ và điều kiện thực tế tại địa phương để quyết định.

3. Các cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội được cơ quan có thẩm quyền giao biên chế và kinh phí quản lý hành chính xem xét tự quyết định việc áp dụng các quy định tại Nghị định này.

4. Các cơ quan thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ban Cơ yếu Chính phủ được ngân sách nhà nước cấp kinh phí quản lý hành chính không thuộc đối tượng thực hiện Nghị định này.

Điều 2. Mục tiêu thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính

1. Tạo điều kiện cho các cơ quan chủ động trong việc sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính một cách hợp lý nhất để hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Thúc đẩy việc sắp xếp, tổ chức bộ máy tinh gọn, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng lao động, kinh phí quản lý hành chính.

3. Nâng cao hiệu suất lao động, hiệu quả sử dụng kinh phí quản lý hành chính, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức.

4. Thực hiện quyền tự chủ đồng thời gắn với trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị và cán bộ, công chức trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính

1. Bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Không tăng biên chế và kinh phí quản lý hành chính được giao, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 9 của Nghị định này.

3. Thực hiện công khai, dân chủ và bảo đảm quyền lợi hợp pháp của cán bộ, công chức.

Chương II

NỘI DUNG CHẾ ĐỘ TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ SỬ DỤNG BIÊN CHẾ VÀ KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

Điều 4. Về biên chế

Căn cứ số biên chế được giao, cơ quan thực hiện chế độ tự chủ được quyền chủ động trong việc sử dụng biên chế như sau:

1. Được quyết định việc sắp xếp, phân công cán bộ, công chức theo vị trí công việc để bảo đảm hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan.

2. Được điều động cán bộ, công chức trong nội bộ cơ quan.

3. Trường hợp sử dụng biên chế thấp hơn so với chỉ tiêu được giao, cơ quan vẫn được bảo đảm kinh phí quản lý hành chính theo chỉ tiêu biên chế được giao.

4. Được hợp đồng thuê khoán công việc và hợp đồng lao động đối với một số chức danh theo quy định của pháp luật trong phạm vi nguồn kinh phí quản lý hành chính được giao.

Điều 5. Nguồn kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước

Kinh phí quản lý hành chính giao cho cơ quan thực hiện chế độ tự chủ từ các nguồn sau:

1. Ngân sách nhà nước cấp.
2. Các khoản phí, lệ phí được để lại theo chế độ quy định.
3. Các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Kinh phí quản lý hành chính giao để thực hiện chế độ tự chủ

1. Kinh phí quản lý hành chính giao cho các cơ quan thực hiện chế độ tự chủ được xác định và giao hàng năm trên cơ sở biên chế được cấp có thẩm quyền giao, kể cả biên chế dự bị (nếu có) và định mức phân bổ ngân sách nhà nước tính trên biên chế; các khoản chi hoạt động nghiệp vụ đặc thù theo chế độ quy định.

2. Nội dung chi của kinh phí giao, gồm:

a) Các khoản chi thanh toán cho cá nhân : tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo lương, tiền thưởng, phúc lợi tập thể và các khoản thanh toán khác cho cá nhân theo quy định;

b) Các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn: thanh toán dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin, tuyên truyền, liên lạc, hội nghị, công tác phí trong nước, chi cho các đoàn đi công tác nước ngoài và đón các đoàn khách nước ngoài vào Việt Nam (phần bố trí trong định mức chi thường xuyên), chi phí thuê mướn, chi nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành, mua sắm, sửa chữa thường xuyên tài sản cố định;

c) Các khoản chi khác có tính chất thường xuyên ngoài nội dung quy định tại Điều 7 Nghị định này.

3. Sử dụng kinh phí được giao:

a) Kinh phí được giao được phân bổ vào nhóm mục chi khác của mục lục ngân sách nhà nước. Căn cứ vào tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao, Thủ trưởng cơ quan thực hiện chế độ tự chủ tự quyết định bố trí số kinh phí được giao vào các mục chi cho phù hợp; được quyền điều chỉnh giữa các mục chi nếu xét thấy cần thiết;

b) Cơ quan thực hiện chế độ tự chủ được vận dụng các chế độ chi tiêu tài chính hiện hành để thực hiện, nhưng không được vượt quá mức chi tối đa do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Điều 7. Kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ

1. Ngoài kinh phí quản lý hành chính giao để thực hiện chế độ tự chủ theo quy định tại Điều 6 Nghị định này, hàng năm cơ quan thực hiện chế độ tự chủ còn được ngân sách nhà nước bố trí kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền giao, gồm:

a) Chi mua sắm, chi sửa chữa lớn tài sản cố định;

b) Chi đóng niên liễm, vốn đối ứng các dự án theo hiệp định với các tổ chức quốc tế;

c) Chi thực hiện các nhiệm vụ có tính chất đột xuất được cấp có thẩm quyền giao;

d) Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

đ) Kinh phí thực hiện tinh giản biên chế (nếu có);

e) Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước;

g) Kinh phí nghiên cứu khoa học;

h) Kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

i) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên khác.

2. Việc phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí quy định tại Điều này thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 8. Sử dụng kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được

1. Kết thúc năm ngân sách, sau khi đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao, cơ quan thực hiện chế độ tự chủ có số chi thực tế thấp hơn dự toán kinh phí quản lý hành chính được giao để thực hiện chế độ tự chủ thì phần chênh lệch này được xác định là kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được.

2. Phạm vi sử dụng kinh phí tiết kiệm được :

a) Bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức: cơ quan thực hiện chế độ tự chủ được áp dụng hệ số tăng thêm quỹ tiền lương tối đa không quá 1,0 lần so với mức tiền lương cấp bậc, chức vụ do nhà nước quy định để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức.

Trên cơ sở tổng nguồn kinh phí được phép chi trên đây, cơ quan thực hiện chế độ tự chủ quyết định phương án chi trả thu nhập tăng thêm cho từng cán bộ, công chức (hoặc cho từng bộ phận trực thuộc) theo nguyên tắc phải gắn với hiệu quả, kết quả công việc của từng người (hoặc của từng bộ phận trực thuộc);

b) Chi khen thưởng và phúc lợi : chi khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể, cá nhân theo kết quả công tác và thành tích đóng góp; chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của cán bộ, công chức; trợ cấp khó khăn đột xuất cho cán bộ, công chức, kể cả đối với những trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; chi thêm cho người lao động trong biên chế khi thực hiện tinh giản biên chế;

c) Khi xét thấy khả năng tiết kiệm kinh phí không ổn định, cơ quan thực hiện chế độ tự chủ có thể trích lập quỹ dự phòng để ổn định thu nhập cho cán bộ, công chức.

Số kinh phí tiết kiệm được, cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng.

3. Thủ trưởng cơ quan thực hiện chế độ tự chủ quyết định phương án sử dụng kinh phí tiết kiệm nêu trên sau khi thống nhất ý kiến bằng văn bản với tổ chức Công đoàn cơ quan.

Điều 9. Điều chỉnh biên chế và mức kinh phí được giao để thực hiện chế độ tự chủ

1. Chỉ tiêu biên chế được xem xét điều chỉnh trong trường hợp sáp nhập, chia tách hoặc điều chỉnh nhiệm vụ của cơ quan thực hiện chế độ tự chủ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền quản lý biên chế.

2. Kinh phí quản lý hành chính được giao được xem xét điều chỉnh trong các trường hợp sau:

a) Do điều chỉnh biên chế hành chính theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

b) Do điều chỉnh nhiệm vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

c) Do nhà nước thay đổi chính sách tiền lương, thay đổi các định mức phân bổ dự toán ngân sách nhà nước, điều chỉnh tỷ lệ phân bổ ngân sách nhà nước cho lĩnh vực quản lý hành chính.

3. Khi có phát sinh các yếu tố làm thay đổi mức kinh phí đã giao, cơ quan thực hiện chế độ tự chủ có văn bản đề nghị bổ sung, điều chỉnh dự toán kinh phí, giải trình chi tiết các yếu tố làm tăng, giảm dự toán kinh phí gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (trường hợp không phải là đơn vị dự toán cấp I) xem xét, tổng hợp dự toán của các đơn vị cấp dưới trực thuộc gửi đơn vị dự toán cấp I. Cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương (đơn vị dự toán cấp I) xem xét dự toán do các đơn vị trực thuộc lập, tổng hợp và lập dự toán chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan tài chính cùng cấp để trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ TỰ CHỦ

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan thực hiện chế độ tự chủ

1. Thủ trưởng cơ quan thực hiện chế độ tự chủ chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của mình trong việc quản lý, sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính được giao.

2. Thực hiện các biện pháp tiết kiệm trong việc sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, tổ chức thảo luận dân chủ, thống nhất trong cơ quan nhằm thực hiện tốt các mục tiêu và nhiệm vụ được giao.

3. Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ, công khai tài chính trong việc quản lý và sử dụng biên chế, kinh phí quản lý hành chính trong cơ quan, tạo điều kiện cho tổ chức công đoàn và cán bộ, công chức trong cơ quan được tham gia thực hiện và giám sát thực hiện phương án sử dụng biên chế, kinh phí theo quy định của Nhà nước.

4. Hàng năm, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp kết quả thực hiện chế độ tự chủ của đơn vị mình.

Điều 11. Trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Căn cứ vào biên chế và kinh phí quản lý hành chính được cơ quan có thẩm quyền giao, Thủ trưởng cơ quan chủ quản thực hiện giao biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho các đơn vị dự toán trực thuộc, trong đó chi tiết dự toán kinh phí quản lý hành chính giao để thực hiện chế độ tự chủ theo quy định tại Điều 6 Nghị định này và dự toán kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan trực thuộc tổ chức thực hiện chế độ tự chủ theo quy định của Nghị định này và của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định việc Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện chế độ tự chủ (khi có đủ các điều kiện cần thiết theo quy định).

4. Ban hành các tiêu chí cơ bản để làm căn cứ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan trực thuộc khi thực hiện chế độ tự chủ, trong đó phải có các tiêu chí đánh giá về các nội dung sau:

- a) Khối lượng, chất lượng công việc thực hiện;
- b) Thời gian giải quyết công việc;
- c) Tình hình chấp hành chính sách, chế độ và quy định về tài chính.

5. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ tự chủ của các cơ quan trực thuộc. Có biện pháp giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện hoặc xử lý kỷ luật đối với các tổ chức, cá nhân có vi phạm theo quy định của pháp luật.

6. Hàng năm, tổ chức đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện chế độ tự chủ về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo quy định tại Nghị định này đối với các cơ quan trực thuộc; kiến nghị, đề xuất giải pháp tháo gỡ những khó khăn trong quá trình thực hiện gửi Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 12. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ tổ chức thực hiện Nghị định này; hướng dẫn thực hiện chế độ tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ tổ chức chỉ đạo, kiểm tra tình hình, tiến độ thực hiện chế độ tự chủ về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Hàng năm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

3. Chủ động giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện chế độ tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính.

Điều 13. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ

1. Chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tự chủ về sử dụng biên chế.

2. Phối hợp với Bộ Tài chính tổ chức chỉ đạo, kiểm tra tình hình, tiến độ thực hiện chế độ tự chủ về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính được giao đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hàng năm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

3. Chủ động giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện chế độ tự chủ về sử dụng biên chế.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và được áp dụng kể từ năm ngân sách 2006.

2. Bãi bỏ Quyết định số 192/2001/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về mở rộng thí điểm khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính.

3. Các cơ quan hành chính đang thực hiện khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Quyết định số 192/2001/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ được thực hiện theo các nội dung quy định tại Nghị định này.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

2. Căn cứ các quy định tại Nghị định này, cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội hướng dẫn thực hiện đối với các tổ chức trực thuộc./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

(Đã ký)

Phan Văn Khải

